

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo quyết định số 500/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 17/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 07,08/8/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Tổng Thị Lan Anh	23/07/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003490	CNTT/20/3520	Đạt	
2	CNTT02	Nguyễn Thị Diễm	03/10/1982	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003491	CNTT/20/3521	Đạt	
3	CNTT03	Nguyễn Thị Dịu	21/10/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003492	CNTT/20/3522	Đạt	
4	CNTT04	Vũ Thị Hà	20/05/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003493	CNTT/20/3523	Đạt	
5	CNTT05	Phạm Thị Hải	27/10/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003494	CNTT/20/3524	Đạt	
6	CNTT06	Ngô Thị Hằng	12/04/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003495	CNTT/20/3525	Đạt	
7	CNTT07	Nguyễn Thị Hằng	10/01/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003496	CNTT/20/3526	Đạt	
8	CNTT08	Phạm Thị Hiên	28/10/1985	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003497	CNTT/20/3527	Đạt	
9	CNTT09	Nguyễn Xuân Hiệp	26/03/1973	Nam Định	Nam	Kinh	7,2	6,5	DBG003498	CNTT/20/3528	Đạt	
10	CNTT10	Đàm Thị Huê	04/02/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003499	CNTT/20/3529	Đạt	
11	CNTT11	Đàm Thị Huệ	22/11/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003500	CNTT/20/3530	Đạt	
12	CNTT12	Dương Thị Huệ	12/08/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003501	CNTT/20/3531	Đạt	
13	CNTT13	Hoàng Thị Huệ	01/01/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003502	CNTT/20/3532	Đạt	
14	CNTT14	Nguyễn Thị Huệ	01/09/1988	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003503	CNTT/20/3533	Đạt	
15	CNTT15	Hà Thị Huyền	27/01/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003504	CNTT/20/3534	Đạt	
16	CNTT16	Đinh Thị Huyền	28/12/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003505	CNTT/20/3535	Đạt	
17	CNTT17	Bùi Thị Hương	24/03/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003506	CNTT/20/3536	Đạt	
18	CNTT18	Đàm Thị Hương	05/07/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,5	DBG003507	CNTT/20/3537	Đạt	
19	CNTT19	Đoàn Thị Hương	10/11/1986	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003508	CNTT/20/3538	Đạt	
20	CNTT20	Vũ Thị Hương	26/09/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003509	CNTT/20/3539	Đạt	
21	CNTT21	Vũ Thị Thu Hường	18/09/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003510	CNTT/20/3540	Đạt	
22	CNTT22	Bùi Thị Khuyên	10/08/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003511	CNTT/20/3541	Đạt	
23	CNTT23	Đặng Thị Lành	12/12/1992	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG003512	CNTT/20/3542	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT24	Lưu Thị Lành	11/10/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003513	CNTT/20/3543	Đạt	
25	CNTT25	Phạm Thị Liên	29/12/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003514	CNTT/20/3544	Đạt	
26	CNTT26	Hoàng Thị Linh	22/11/1986	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003515	CNTT/20/3545	Đạt	
27	CNTT27	Phạm Thị Mây	01/01/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003516	CNTT/20/3546	Đạt	
28	CNTT28	Phan Thị My	01/11/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003517	CNTT/20/3547	Đạt	
29	CNTT29	Trịnh Thị Minh Ngọc	16/06/1968	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003518	CNTT/20/3548	Đạt	
30	CNTT30	Phạm Thị Nhân	29/08/1985	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,0	DBG003519	CNTT/20/3549	Đạt	
31	CNTT31	Bùi Thị Kim Oanh	05/09/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	8,2	6,5	DBG003520	CNTT/20/3550	Đạt	
32	CNTT32	Trần Thị Phòng	09/04/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003521	CNTT/20/3551	Đạt	
33	CNTT33	Nguyễn Thị Hoài Phương	25/02/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,5	DBG003522	CNTT/20/3552	Đạt	
34	CNTT34	Tổng Thị Phương	30/06/1988	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,0	DBG003523	CNTT/20/3553	Đạt	
35	CNTT35	Tổng Thị Thanh Phương	25/07/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	8,2	8,5	DBG003524	CNTT/20/3554	Đạt	
36	CNTT36	Đinh Thị Quý	20/01/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003525	CNTT/20/3555	Đạt	
37	CNTT37	Đoàn Thị Quyên	27/01/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003526	CNTT/20/3556	Đạt	
38	CNTT38	Phan Thị Sen	08/11/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG003527	CNTT/20/3557	Đạt	
39	CNTT39	Phạm Thị Soi	10/09/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003528	CNTT/20/3558	Đạt	
40	CNTT40	Hà Thị Thanh Thảo	22/03/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,0	DBG003529	CNTT/20/3559	Đạt	
41	CNTT41	Phạm Thị The	12/02/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003530	CNTT/20/3560	Đạt	
42	CNTT42	Lưu Thị Thêu	02/11/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003531	CNTT/20/3561	Đạt	
43	CNTT43	Trịnh Thị Thịnh	20/02/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003532	CNTT/20/3562	Đạt	
44	CNTT44	Vũ Văn Thuần	03/04/1985	Nam Định	Nam	Kinh	7,7	6,5	DBG003533	CNTT/20/3563	Đạt	
45	CNTT45	Bùi Thị Thuý	25/11/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003534	CNTT/20/3564	Đạt	
46	CNTT46	Tổng Thị Thùy	20/05/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003535	CNTT/20/3565	Đạt	
47	CNTT47	Vũ Thị Thanh Thủy	19/03/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003536	CNTT/20/3566	Đạt	
48	CNTT48	Phạm Thị Thương	13/08/1987	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	8,0	DBG003537	CNTT/20/3567	Đạt	
49	CNTT49	Vũ Thị Thương	25/05/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	8,7	7,0	DBG003538	CNTT/20/3568	Đạt	
50	CNTT50	Tổng Thị Huyền Trang	10/03/1992	Nam Định	Nữ	Kinh	8,7	7,5	DBG003539	CNTT/20/3569	Đạt	
51	CNTT51	Đào Văn Trung	12/08/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	6,5	DBG003540	CNTT/20/3570	Đạt	
52	CNTT52	Bùi Thị Hồng Tuyết	25/08/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	8,5	DBG003541	CNTT/20/3571	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
53	CNTT53	Vũ Thị Tuyết	01/09/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003542	CNTT/20/3572	Đạt	
54	CNTT54	Thân Thị An	20/05/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003543	CNTT/20/3573	Đạt	
55	CNTT55	Nguyễn Ngọc Anh	31/07/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,0	DBG003544	CNTT/20/3574	Đạt	
56	CNTT56	Trần Thị Chinh	15/01/1978	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,2	6,5	DBG003545	CNTT/20/3575	Đạt	
57	CNTT57	Lương Tiến Giang	30/04/1975	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	DBG003546	CNTT/20/3576	Đạt	
58	CNTT58	Ngô Thị Giang	05/03/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003547	CNTT/20/3577	Đạt	
59	CNTT59	Đinh Thị Thanh Hà	24/11/1971	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	DBG003548	CNTT/20/3578	Đạt	
60	CNTT60	Lương Thị Út Hạnh	12/12/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	5,0	DBG003549	CNTT/20/3579	Đạt	
61	CNTT61	Nguyễn Thị Hằng	17/12/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	DBG003550	CNTT/20/3580	Đạt	
62	CNTT62	Nguyễn Thúy Hằng	16/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,5	DBG003551	CNTT/20/3581	Đạt	
63	CNTT63	Dương Thị Hân	10/12/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003552	CNTT/20/3582	Đạt	
64	CNTT64	Nguyễn Thị Hiên	10/11/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003553	CNTT/20/3583	Đạt	
65	CNTT65	Trần Thị Khánh Hoa	01/07/1969	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003554	CNTT/20/3584	Đạt	
66	CNTT66	Bùi Thị Hồng	15/09/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	DBG003555	CNTT/20/3585	Đạt	
67	CNTT67	Nguyễn Văn Hồng	09/08/1974	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG003556	CNTT/20/3586	Đạt	
68	CNTT68	Thân Thị Hường	10/10/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,0	DBG003557	CNTT/20/3587	Đạt	
69	CNTT69	Dũng Thị Mai	25/04/1992	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,7	7,0	DBG003558	CNTT/20/3588	Đạt	
70	CNTT70	Dương Thị Nga	08/08/1992	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,7	5,5	DBG003559	CNTT/20/3589	Đạt	
71	CNTT71	Thân Thị Nga	28/10/1970	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003560	CNTT/20/3590	Đạt	
72	CNTT72	Trịnh Văn Nhuận	12/10/1972	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003561	CNTT/20/3591	Đạt	
73	CNTT74	Hương Thị Thu	28/07/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003562	CNTT/20/3592	Đạt	
74	CNTT75	Vũ Thị Huyền Trang	30/09/1990	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	5,0	DBG003563	CNTT/20/3593	Đạt	
75	CNTT76	Vũ Khắc Vịnh	16/03/1976	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	DBG003564	CNTT/20/3594	Đạt	
76	CNTT77	Vũ Thị Bảy	20/04/1970	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003565	CNTT/20/3595	Đạt	
77	CNTT78	Lê Thị Bình	26/12/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003566	CNTT/20/3596	Đạt	
78	CNTT79	Hoàng Ngọc Chí	25/11/1995	Nam Định	Nam	Kinh	8,2	7,5	DBG003567	CNTT/20/3597	Đạt	
79	CNTT80	Vũ Văn Chiến	12/02/1969	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	DBG003568	CNTT/20/3598	Đạt	
80	CNTT81	Phạm Hải Chinh	25/10/1996	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003569	CNTT/20/3599	Đạt	
81	CNTT82	Đoàn Thị Kiều Diễm	15/11/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003570	CNTT/20/3600	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
82	CNTT83	Nguyễn Thị Diệp	24/10/1976	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003571	CNTT/20/3601	Đạt	
83	CNTT84	Vũ Thị Minh Dịu	19/08/1968	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003572	CNTT/20/3602	Đạt	
84	CNTT85	Lê Thùy Dung	17/06/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003573	CNTT/20/3603	Đạt	
85	CNTT86	Nguyễn Thị Dung	02/10/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003574	CNTT/20/3604	Đạt	
86	CNTT87	Nguyễn Thị Đoan	28/09/1973	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003575	CNTT/20/3605	Đạt	
87	CNTT88	Phạm Thị Thu Hà	19/10/1990	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	DBG003576	CNTT/20/3606	Đạt	
88	CNTT89	Nguyễn Thị Thanh Hải	14/08/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003577	CNTT/20/3607	Đạt	
89	CNTT90	Nguyễn Thị Hảo	13/02/1988	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG003578	CNTT/20/3608	Đạt	
90	CNTT91	Phạm Thị Nguyệt Hằng	05/12/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003579	CNTT/20/3609	Đạt	
91	CNTT92	Phạm Thị Hiền	10/06/1979	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003580	CNTT/20/3610	Đạt	
92	CNTT93	Trần Thị Thanh Hiền	05/03/1980	Cao Bằng	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003581	CNTT/20/3611	Đạt	
93	CNTT94	Nguyễn Thị Hoa	02/07/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003582	CNTT/20/3612	Đạt	
94	CNTT95	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	22/08/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003583	CNTT/20/3613	Đạt	
95	CNTT96	Nguyễn Thị Hoài	17/03/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	8,0	DBG003584	CNTT/20/3614	Đạt	
96	CNTT97	Phan Thị Hoài	04/11/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	DBG003585	CNTT/20/3615	Đạt	
97	CNTT98	Mai Thị Hồng	03/03/1991	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003586	CNTT/20/3616	Đạt	
98	CNTT99	Đỗ Thị Hối	21/06/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	8,0	DBG003587	CNTT/20/3617	Đạt	
99	CNTT100	Hoàng Thị Huệ	18/10/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003588	CNTT/20/3618	Đạt	
100	CNTT101	Nguyễn Thị Thu Huệ	11/12/1966	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003589	CNTT/20/3619	Đạt	
101	CNTT102	Vũ Thị Hương	15/03/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003590	CNTT/20/3620	Đạt	
102	CNTT103	Lê Thị Tùng Lân	06/01/1974	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,5	DBG003591	CNTT/20/3621	Đạt	
103	CNTT104	Vũ Thị Len	07/08/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,0	DBG003592	CNTT/20/3622	Đạt	
104	CNTT105	Lại Thị Mai	04/09/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003593	CNTT/20/3623	Đạt	
105	CNTT106	Trần Thị Mai	24/01/1970	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7,5	8,0	DBG003594	CNTT/20/3624	Đạt	
106	CNTT107	Vũ Thị Mừng	22/04/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,5	DBG003595	CNTT/20/3625	Đạt	
107	CNTT108	Trần Thị Nguyệt	04/06/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	8,5	8,0	DBG003596	CNTT/20/3626	Đạt	
108	CNTT109	Nguyễn Thị Nhâm	03/06/1968	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003597	CNTT/20/3627	Đạt	
109	CNTT110	Trần Thị Nhung	17/01/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,0	DBG003598	CNTT/20/3628	Đạt	
110	CNTT111	Vy Thị Nhung	17/07/1989	Bắc Kạn	Nữ	H Mông	7,2	7,5	DBG003599	CNTT/20/3629	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
111	CNTT112	Phạm Thị Thảo	28/08/1987	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	8,0	DBG003600	CNTT/20/3630	Đạt	
112	CNTT113	Lại Thị Thoa	02/05/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003601	CNTT/20/3631	Đạt	
113	CNTT114	Lại Thị Thủy	27/01/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG003602	CNTT/20/3632	Đạt	
114	CNTT115	Trần Thị Thủy	20/10/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003603	CNTT/20/3633	Đạt	
115	CNTT116	Trần Thị Tươi	20/11/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003604	CNTT/20/3634	Đạt	
116	CNTT117	Ngô Thị Vân	17/08/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG003605	CNTT/20/3635	Đạt	
117	CNTT118	Nguyễn Thị Vi	05/01/1971	Nam Định	Nữ	Kinh	6,2	7,0	DBG003606	CNTT/20/3636	Đạt	
118	CNTT119	Nguyễn Thị Xiêm	04/04/1979	Hà Nam	Nữ	Kinh	7,7	7,5	DBG003607	CNTT/20/3637	Đạt	
119	CNTT120	Ninh Thị Yến	23/03/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,0	DBG003608	CNTT/20/3638	Đạt	
120	CNTT121	Phạm Thị Yến	08/03/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003609	CNTT/20/3639	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

120

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2020

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang